

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 904/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13.7.2022.

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Trường Sanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31.5.2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2022/QĐST- HNGĐ ngày 20.6.2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tăng Thị Tú T– sinh năm: 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Bị đơn: Ông Võ Thành N- sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã X, huyện Y, tỉnh Z.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 05.7.2021, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn Bà Tăng Thị Tú T trình bày:

Bà và Ông Võ Thành N tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2009, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29.9.2009.

Sau khi cưới ông bà cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, quan điểm sống cũng khác nhau, bà cảm thấy bế tắc. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà T yêu cầu ly hôn với Ông N.

Về con chung: có 02 con chung Võ Gia H – sinh ngày 07.8.2010, Võ Bảo N– sinh ngày 05.4.2016. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có

- Nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải Bà Tăng Thị Tú T và Ông Võ Thành N thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng Ông N không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn Ông Võ Thành N, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông N vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Bà Tăng Thị Tú T và Ông Võ Thành N là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn Ông Võ Thành N cư trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Z nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng Ông Võ Thành N vắng mặt không có lý do nên hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 20.6.2022 cũng được tổng đạt hợp lệ cho Ông N. Tại phiên tòa hôm nay Ông N vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Bà Tăng Thị Tú T có đơn xin vắng mặt. Tòa án đã triệu tập các đương sự hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử nhận thấy Bà Tăng Thị Tú T và Ông Võ Thành N tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2009, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29.9.2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Bà Tăng Thị Tú T và Ông Võ Thành N có thời gian sống chung từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của Bà T là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn sâu sắc không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa, vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội để thay đổi nhưng không được, bà rơi vào cuộc sống bế tắc. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo quy định để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện Bà Tăng Thị Tú T và Ông Võ Thành N trở về đoàn tụ với nhau nhưng Ông N không đến, điều này chứng tỏ Ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét hôn nhân giữa Bà Tăng Thị Tú T và Ông Võ Thành N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc Bà Tăng Thị Tú T yêu cầu ly hôn với Ông Võ Thành N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống Bà Tăng Thị Tú T và Ông Võ Thành N có 02 con chung Võ Gia Hân – sinh ngày 07.8.2010, Võ Bảo Nam – sinh ngày 05.4.2016. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung Gia Hân và Bảo Nam, không yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện trẻ Gia Hân và Bảo Nam đang sống với Bà T nên việc giao trẻ Gia Hân và Bảo Nam cho Bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Gia Hân nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Gia Hân và Bảo Nam cho Bà T nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn Ông Võ Thành N, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng Ông N không đến Tòa để đưa ra ý kiến và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[8] Về án phí: Bà Tăng Thị Tú T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Tăng Thị Tú T.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Tăng Thị Tú T được ly hôn với Ông Võ Thành N.

Về con chung: Giao 02 con chung Võ Gia H – sinh ngày 07.8.2010, Võ Bảo N – sinh ngày 05.4.2016 cho Bà Tăng Thị Tú T trực tiếp nuôi dưỡng, Bà T không yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong vụ án này đương sự khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Trong vụ án này đương sự khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí DSST: Bà Tăng Thị Tú T chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0030360 ngày 05.10.2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- Ủy ban nhân dân phường 15, quận Tân Bình, Tp.HCM.
- Các đương sự;
- Lưu

**Lưu Trường Sanh**